



yī bàn
一半

Numeral · half

Example Sentences

zhè ge píng guǒ wǒ chī le yī bàn
这个苹果我吃了一半。

I ate half of this apple.

wǒ de zuò yè zhǐ wán chéng le yī bàn
我的作业只完成了一半。

I have only finished half of my homework.

nǔ lì xué xí děng yú chéng gōng de yí bàn
努力学习等于成功的一半。

Studying hard is equivalent to half of success.

Trace each character, then write the word on your own.

一	一	一	一																
半	半	半	半	半	半	半	半												